

## **KẾ HOẠCH**

### **Phát triển nhà ở năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)*

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Cụ thể hóa việc thực hiện các mục tiêu phát triển nhà ở tại Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt, tạo điều kiện để các ngành, các cấp phối hợp triển khai thực hiện tốt việc phát triển nhà ở bền vững trong thời gian tới.

- Xác định được tỷ lệ các loại nhà ở cần đầu tư xây dựng trong năm 2023.

- Xác định vị trí, khu vực phát triển nhà ở năm 2023.

- Xác định quy mô dự án phát triển nhà ở bao gồm số lượng, diện tích sàn xây dựng nhà ở.

- Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, phát triển nhà ở khu vực đô thị văn minh, hiện đại; phát triển nhà ở khu vực nông thôn đồng bộ và phù hợp với mục tiêu của chương trình nông thôn mới, từng bước cải thiện chất lượng nhà ở cho người dân; nâng cao công tác chỉnh trang đô thị, xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh, đồng bộ với sự phát triển của chung của tỉnh.

### **2. Yêu cầu**

- Phù hợp với nhu cầu nhà ở của tỉnh trong Chương trình phát triển nhà ở; Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo tuân thủ pháp luật về nhà ở, quy hoạch, kế hoạch do các cấp phê duyệt và các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành.

- Chỉ tiêu phát triển nhà ở trong Kế hoạch phải được xác định là một trong những chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với từng thời kỳ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **1. Các chỉ tiêu về phát triển nhà ở toàn tỉnh**

#### **1.1. Chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân:**

Cuối năm 2023, diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đạt 26,57 m<sup>2</sup>/người.

Trong đó:

- Khu vực đô thị đạt 28,99m<sup>2</sup>/người;

- Khu vực nông thôn đạt 25,96m<sup>2</sup>/người.

### 1.2. Chỉ tiêu về diện tích nhà ở tối thiểu

Diện tích nhà ở tối thiểu toàn tỉnh đạt 8 m<sup>2</sup>/người.

Tổng diện tích sàn tăng thêm năm 2023 là: 1.543.306 m<sup>2</sup> sàn.

### 1.3. Chỉ tiêu về diện tích, tỷ lệ các loại nhà ở tăng thêm trong năm 2023.

Tổng diện tích sàn tăng thêm của các loại nhà ở là 1.543.306 m<sup>2</sup>.

Trong đó:

- Nhà ở dân tự xây trong dự án KĐT, KDC là 107.376m<sup>2</sup> sàn.

- Nhà ở dân tự xây trên đất hiện hữu là 1.435.930m<sup>2</sup> sàn.

## 2. Diện tích đất ở dự kiến đầu tư để xây dựng các loại nhà ở năm 2023

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng dự án	Diện tích đất ở dự kiến đầu tư năm 2023 (ha)				Tổng số
			Dự án KĐT, KDC	Dự án nhà ở xã hội	Nhà ở thương mại	Dự án TĐC	
1	Thành phố Nam Định	16	127,9	7,47	17,89	0	153,26
2	Huyện Nghĩa Hưng	14	20,05	5,5	0	0,7	26,25
3	Huyện Trực Ninh	17	20,2	1,17	0	6,22	27,59
4	Huyện Mỹ Lộc	14	56,78	2	0	0	58,78
5	Huyện Hải Hậu	12	34,23	0	0	0,7	34,93
6	Huyện Nam Trực	9	8,04	0	0	0,9	8,94
7	Huyện Giao Thủy	8	11,74	0	0	0	11,74
8	Huyện Vụ Bản	9	13,54	0	0	0	13,54
9	Huyện Xuân Trường	13	34,72	1	0	3,71	39,43
10	Huyện Ý Yên	24	34,92	1,68	0	0,54	37,14
<b>Tổng số</b>		<b>136</b>	<b>362,12</b>	<b>18,82</b>	<b>17,89</b>	<b>12,77</b>	<b>411,60</b>

## 3. Vốn và nguồn vốn thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở

### a) Về vốn

Năm 2023 nguồn vốn dành cho phát triển nhà ở là 12.092 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn xây dựng nhà ở dân tự xây trong dự án KĐT, KDC là 841 tỷ đồng.

- Vốn xây dựng nhà ở trên đất hiện hữu là 11.251 tỷ đồng.

### b) Nguồn vốn

Dự kiến các nguồn vốn để phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

- Phát triển nhà ở thương mại bằng nguồn vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng,...

- Nhà ở riêng lẻ do người dân tự xây dựng từ nguồn vốn tích lũy thu nhập của các hộ gia đình,...

- Vốn đầu tư xây dựng nhà ở xã hội: Từ nguồn vốn của doanh nghiệp; vốn vay các tổ chức tín dụng ưu đãi; vay Ngân hàng chính sách xã hội,...

#### **4. Vị trí, tên dự án dự kiến đầu tư phát triển nhà ở năm 2023 của các huyện, thành phố Nam Định.**

Năm 2023 trên địa bàn toàn tỉnh dự kiến triển khai tổng cộng 136 dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà ở với tổng diện tích đất ở cần đầu tư khoảng 411,60 ha.

Danh mục các dự án dự kiến triển khai đầu tư xây dựng các loại nhà ở năm 2023 tại các địa phương và trên địa bàn toàn tỉnh cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Loại hình</b>	<b>Diện tích đất ở dự kiến đầu tư (ha)</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>TỔNG</b>		<b>411,60</b>	
<b>I</b>	<b>Thành phố Nam Định</b>		<b>153,26</b>	
1	Khu ĐTM Phú ớc - Phường Lộc Hòa	NOTM	17,30	Bao gồm cả dự án nhà ở thương mại, nhà ở dân tự xây
2	Xây dựng khu dân cư tập trung tại xã Nam Vân	KĐT	10,10	
3	Khu đô thị mới Lộc An - Tại xã Lộc An	KĐT	55,0	
4	Xây dựng khu dân cư tập trung Địch Lễ, xã Nam Vân.	KDC	0,54	
5	Khu nhà ở thương mại thuộc khu TĐC Phúc Tân	NOTM	0,59	Bao gồm cả dự án nhà ở thương mại, nhà ở dân tự xây
6	Dự án khu đất đấu giá đất hồ Tiến Lập, phường Cửa Bắc	ĐG	1,30	
7	Dự án nhà ở xã hội tại khu Bãi Viên, phường Mỹ Xá	NOXH	2,10	
8	Cải tạo nhà chung cư cũ (các điểm chung cư cũ trên địa bàn thành phố)	NOXH	1,77	
9	Khu dân cư khu vực tiếp giáp với đường Mỹ Xá và đường Tô Hiến Thành, phường Mỹ Xá	KDC	2,0	

10	Khu đô thị đường Trần Huy Liệu, phường Mỹ Xá	KDC	3,89	
11	Khu đô thị mới Lộc Vượng, phường Lộc Vượng	KĐT	4,99	
12	Xây dựng khu dân cư tập trung, khu đô thị Vạn Diệp, xã Nam Phong	KDC	25,9	
13	Khu đô thị mới phía Nam (OM 16, 17, 25, 24, 21) tại thôn Đồng Vân, Vân Lợi xã, Nam Vân.	KĐT	9,18	
14	Xây dựng khu dân cư tập trung Đông Phong - Địch Lễ, xã Nam Phong	KDC	10,0	
15	Nhà ở xã hội KĐT Nam Sông Đào	NOXH	3,60	
16	Khu dân cư tập trung Lương Xá, phường Lộc Hòa	KDC	5,0	
<b>II</b>	<b>Huyện Nghĩa Hưng</b>		<b>26,25</b>	
1	Khu dân cư tập trung xã Nghĩa Minh	KDC	2,3	
2	Khu dân cư tập trung xóm Đồng Ninh xã Nghĩa Lạc	KDC	2,3	
3	Khu dân cư tập trung xã Nghĩa Hải	KDC	1,2	
4	Khu dân cư tập trung xóm Nam Điền xã Nghĩa Lợi	KDC	0,6	
5	Khu dân cư tập trung xóm Đồng Quỹ xã Nghĩa Hồng	KDC	1,3	
6	Khu dân cư tập trung xã Nghĩa Lâm	KDC	1,5	
7	Khu dân cư tập trung xóm Sỹ Hội Bắc xã Nghĩa Hùng	KDC	1,3	
8	Khu dân cư tập trung xã Hoàng Nam	KDC	1,7	
9	Khu dân cư tập trung cư thôn Thành An xã Nghĩa Phong	KDC	3,5	
10	Khu dân cư tập trung xã Nghĩa Tân	KDC	0,85	
11	Khu dân cư tập trung xóm 1 xã Nam Điền	KDC	1,9	
12	Khu dân cư tập trung xã Nghĩa Phú	KDC	1,6	
13	Khu nhà ở công nhân khu công nghiệp dệt may Rạng Đông	NOXH	5,5	
14	Khu tái định cư và khu dân cư tập trung đội 12 xã Nghĩa Phong	TĐC và KDC	0,7	

<b>III</b>	<b>Huyện Trục Ninh</b>		<b>27,59</b>	
1	Xây dựng khu dân cư tập trung tổ dân phố Nghị Nam, thị trấn Ninh Cường, huyện Trục Ninh.	KDC	0,72	
2	Khu dân cư tập trung xã Trung Đông (vị trí thôn Đông Trung)	KDC	8,92	
3	Khu dân cư tập trung xã Trục Tuấn - xóm 8,9,10	KDC	1,98	
4	Khu dân cư tập trung xã Việt Hùng (vị trí xóm Nam Tiến)	KDC	0,74	
5	Khu dân cư tập trung xã Trục Cường (vị trí xóm Khang Ninh)	KDC	0,99	
6	Khu dân cư tập trung xã Phương Định (vị trí khu Đồng Sông)	KDC	2,42	
7	Khu dân cư tập trung xã Trục Khang (vị trí xóm 2, xóm 7)	KDC	2,29	
8	Khu dân cư tập trung Phương Định (Đồng Sông)	KDC	0,56	
9	Khu dân cư tập trung Thanh Quan (xã Trục Hưng)	KDC	0,68	
10	Khu dân cư tập trung xóm 7 (xã Trục Khang)	KDC	0,9	
11	Xây dựng nhà ở xã hội tại xã Liêm Hải	NOXH	1,17	
12	Dự án Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trục Tuấn huyện Trục Ninh	KDC và TĐC	1,32	
13	Dự án Khu dân cư và khu tái định cư thôn Nam Lãng Đông xã Trục Tuấn huyện Trục Ninh	KDC và TĐC	0,44	
14	Dự án khu dân cư và khu tái định cư xóm Nam, xã Việt Hùng, huyện Trục Ninh	KDC và TĐC	1,28	
15	Dự án khu dân cư và khu tái định cư xóm Chín, xã Việt Hùng, huyện Trục Ninh	KDC và TĐC	0,92	
16	Dự án Xây dựng điểm tái định cư và dân cư thôn Lịch Đông xã Liêm Hải, huyện Trục Ninh	ĐDC và TĐC	0,79	
17	Dự án khu dân cư và khu tái định cư xóm Lác Môn 3, xã Trục Hùng, huyện Trục Ninh	KDC và TĐC	1,47	

<b>IV</b>	<b>Huyện Mỹ Lộc</b>		<b>58,78</b>	
1	Khu đô thị Đặng Xá - thị trấn Mỹ Lộc	KĐT	5,94	KĐT thị trấn Mỹ Lộc (Phía Tây)
2	Khu đô thị Phú Ốc	KĐT	2,4	
3	Khu đô thị Hưng Lộc, Thị trấn Mỹ Lộc	KĐT	19,46	
4	Khu đô Thị Mỹ Trung (Khu C)	KĐT	7,94	
5	Khu dân cư tập trung thôn Hồng Phú xã Mỹ Tân	KDC	2,12	
6	Xây dựng khu dân cư tập trung thôn La Chợ, xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc	KDC	3,03	
7	Xây dựng khu dân cư tập trung xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc (Giai đoạn 2)	KDC	1,74	
8	Khu dân cư tập trung xã Mỹ Hưng	KDC	5,94	
9	Khu dân cư tập trung Ao tư liệu xã Mỹ Hưng	KDC	0,45	
10	Khu dân cư tập trung xóm Đình xã Mỹ Thịnh	KDC	0,7	
11	Xây dựng khu dân cư tập trung xã Mỹ Thăng	KDC	1,97	
12	Khu dân cư tập trung Đông Trung Quyên, Tây Hào Thôn thị trấn Mỹ Lộc	KDC	2,09	
13	Khu dân cư tập trung thôn 3 xã Mỹ Hưng	KDC	3	
14	Xây dựng khu Thiết chế công đoàn tại xã Mỹ Thuận	NOXH	2	
<b>V</b>	<b>Huyện Hải Hậu</b>		<b>34,93</b>	
1	Khu dân cư tập trung xã Hải Giang	KDC	1,5	
2	Khu dân cư xã Hải Châu	KDC	2,0	
3	Khu dân cư tập trung xã Hải Sơn	KDC	2,5	
4	Khu dân cư tập trung xã Hải Trung	KDC	5,3	
5	Khu dân cư tập trung xã Hải Phong	KDC	4,8	
6	Khu dân cư tập trung xã Hải Cường	KDC	4,58	
7	Khu dân cư tập trung xã Hải Hà	KDC	4,5	
8	Khu dân cư tập trung xã Hải Anh	KDC	0,75	
9	Khu dân cư tập trung xã Hải Đường	KDC	0,78	
10	Khu dân cư tập trung xã Hải Phúc	KDC	3,6	

11	Khu dân cư tập trung xã Hải Long	KDC	3,92	
12	Khu Tái định cư và khu dân cư tập trung xóm Tây Cát, xã Hải Lý	KDC và TĐC	0,7	
<b>VI</b>	<b>Huyện Nam Trực</b>		<b>8,94</b>	
1	Khu dân cư tập trung thị trấn Nam Giang	KDC	2,7	
2	Khu dân cư tập trung phía Đông sông Châu Thành xã Nam Cường	KDC	1,2	
3	Khu dân cư tập trung xã Nghĩa An	KDC	0,7	
4	Khu dân cư tập trung thôn Trai xã Nam Cường	KDC	1,2	
5	Khu dân cư tập trung xã Tân Thịnh (GD2)	KDC	1	
6	Khu dân cư tập trung, khu tái định cư thôn Xối Tây, xã Nam Thanh	KDC và TĐC	0,9	
7	Khu dân cư tập trung khu vực ao Lò Ngói, xóm Đồng Ích, xã Nam Mỹ	KDC	0,36	
8	Khu dân cư tập trung thôn Đồng Lư xã Tân Thịnh	KDC	0,35	
9	Khu dân cư tập trung xã Bình Minh	KDC	0,53	
<b>VII</b>	<b>Huyện Giao Thủy</b>		<b>11,74</b>	
1	Khu dân cư tập trung xã Giao Tiến 2	KDC	2,2	
2	Khu dân cư tập trung tại xóm 4 xã Giao An (GD 2)	KDC	0,43	
3	Khu dân cư tập trung xã Giao Xuân 2	KDC	0,5	
4	Khu dân cư tập trung xã Giao Yên 2	KDC	2	
5	Khu dân cư tập trung xóm 14 xã Hoàn Sơn	KDC	1,6	
6	Khu dân cư tập trung xóm 4 xã Hoàn Sơn (mở rộng)	KDC	2,55	
7	Khu dân cư tập trung xã Giao Hương	KDC	1,2	
8	Khu dân cư tập trung xóm Duyên Trường xã Giao Nhân	KDC	1,26	
<b>VIII</b>	<b>Huyện Vụ Bản</b>		<b>13,54</b>	
1	Khu dân cư tập trung xã Đại Thắng	KDC	1,29	
2	Khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng (Đồng Thuận Khả Chính, Đồng Sóng Đồng Lạc)	KDC	1,16	
3	Khu dân cư tập trung xã Quang Trung	KDC	1,29	

4	Khu dân cư tập trung xã Minh Thuận	KDC	2,15	
5	Khu dân cư tập trung xã Liên Bảo (thôn Đắc Lực)	KDC	1,29	
6	Khu dân cư tập trung Cửa Chùa Tứ Giáp xã Liên Minh	KDC	1,63	
7	Khu dân cư tập trung xã Hiên Khánh	KDC	2,15	
8	Khu dân cư tập trung xã Tân Khánh	KDC	1,29	
9	Khu dân cư tập trung xã Minh Tân	KDC	1,29	
<b>IX</b>	<b>Huyện Xuân Trường</b>		<b>39,43</b>	
1	Khu đô thị thị trấn Xuân Trường	KĐT	6,6	
2	Khu dân cư tập trung xã Thọ Nghiệp	KDC	3,75	
3	Khu dân cư tập trung xã Xuân Ngọc	KDC	7,5	
4	Khu dân cư tập trung xã Xuân Bắc	KDC	2,63	
5	Khu tái định cư kết hợp khu dân cư tập trung Xuân Hòa	KDC	1,5	
6	Khu tái định cư kết hợp khu dân cư tập trung Xuân Kiên	KDC	2,21	
7	Khu dân cư tập trung xã Xuân Thành	KDC	1,88	
8	Khu dân cư tập trung xã Xuân Tiến	KDC	3,75	
9	Khu dân cư tập trung chân cầu Lạc Quần thị trấn Xuân Trường	KDC	1,73	
10	Khu dân cư tập trung thị trấn Xuân Trường	KDC	2,76	
11	Khu dân cư tập trung Xóm Nam xã Xuân Phương	KDC	2,6	
12	Nhà ở xã hội xã Xuân Thượng	NOXH	1	
13	Khu dân cư tập trung xã Xuân Đài	KDC	1,52	
<b>X</b>	<b>Huyện Ý Yên</b>		<b>37,14</b>	
1	Khu tái định cư và khu dân cư tập trung Cầu Cỏ (thuộc OM9) xã Yên Bằng, huyện Ý Yên	KDC	2,5	
2	Khu dân cư tập trung xã Yên Tân	KDC	1	
3	Khu dân cư tập trung xã Yên Thọ	KDC	1	
4	Khu tái định cư xã Yên Hồng (Dự án đường kết nối đê tả đáy xã Yên Bằng đến đường 57B)	TĐC	0,36	
5	Khu dân cư tập trung xã Yên Thành	KDC	1	



6	Khu dân cư tập trung xã Yên Thắng	KDC	1,5	
7	Khu dân cư tập trung xã Yên Mỹ	KDC	1,25	
8	Khu tái định cư xã Yên Tiến (Dự án đường kết nối đê tả đáy xã Yên Bằng đến đường 57B)	TĐC	0,18	
9	Khu dân cư tập trung xã Yên Lợi	KDC	1	
10	Khu dân cư tập trung xã Yên Khang	KDC	1	
11	Khu dân cư tập trung xã Yên Tiến	KDC	1,6	
12	Khu đô thị mới 4 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến	KĐT	3	
13	Khu dân cư tập trung xã Yên Khánh 1	KDC	1	
14	Khu dân cư tập trung xã Yên Hồng	KDC	1,5	
15	Khu dân cư tập trung xã Yên Phong	KDC	2	
16	Khu dân cư tập trung xã Yên Trị	KDC	3,9	
17	Khu dân cư tập trung xã Yên Hưng	KDC	1	
18	Khu dân cư tập trung xã Yên Trung	KDC	1	
19	Mở rộng KĐT Thị trấn Lâm	KDC	4,95	
20	Khu dân cư tập trung Thị trấn Lâm	KDC	2,05	
21	Khu dân cư tập trung xã Yên Minh	KDC	1	
22	Khu dân cư tập trung xã Yên Thành	KDC	0,75	
23	Khu dân cư tập trung thôn Thụy Quang xã Yên Lương	KDC	0,92	
24	Nhà ở xã hội xã Yên Trị	NOXH	1,68	

### III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

#### 1. Giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách

Triệt để thực hiện nguyên tắc chấp thuận đầu tư phát triển dự án nhà ở khi hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội có thể đảm bảo đáp ứng.

Thiết lập danh mục ưu tiên các dự án đầu tư hạ tầng cùng dự kiến quỹ đất gắn liền trên địa bàn các huyện, thành phố nhằm công khai kêu gọi đầu tư.

Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong việc đầu tư xây dựng phát triển nhà ở theo hướng đơn giản hóa thủ tục, dễ thực hiện và rút ngắn thời gian, liên quan đến việc chấp thuận chủ trương, cho phép đầu tư, thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, giao đất, cấp phép xây dựng.

#### 2. Giải pháp về nguồn vốn

Công khai minh bạch thông tin về danh mục, quy mô dự án, lựa chọn chủ đầu tư để thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Sử dụng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách (thông qua hình thức miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào dự án,... cho các dự án xây dựng nhà ở xã hội) để hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực đầu tư.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Xây dựng**

Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản tỉnh, có nhiệm vụ:

a) Hướng dẫn, đôn đốc UBND các huyện, thành phố Nam Định triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả kế hoạch này.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố Nam Định rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết về các quỹ đất đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở bố trí tái định cư, khu dân cư,...

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, các địa phương nghiên cứu, tham mưu đề xuất trình UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư và phát triển nhà ở.

d) Hướng dẫn triển khai các quy định về phát triển và quản lý nhà ở; các chính sách hỗ trợ nhà ở.

đ) Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về quản lý quy hoạch, quản lý chất lượng công trình nhà ở, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

e) Định kỳ đánh giá, tổng kết tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch; báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh theo quy định.

##### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu đề xuất UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, các dự án nhà ở theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng rà soát, đưa các chỉ tiêu về phát triển nhà ở vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo quy định.

c) Theo dõi tiến độ thực hiện các dự án phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh.

##### **3. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các địa phương, tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định, kế hoạch sử dụng đất, phân bổ quỹ đất phát triển các loại hình

nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, dự án khu dân cư; tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

b) Hướng dẫn các thủ tục giao đất, chuyển quyền sử dụng đất, bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án nhà ở theo quy định.

c) Tham mưu UBND tỉnh xây dựng các cơ chế, chính sách về đất đai để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư triển khai thực hiện các dự án phát triển nhà ở.

#### **4. Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh về vốn Nhà nước cấp (bao gồm vốn trung ương và vốn địa phương) để hỗ trợ về nhà ở cho các đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách xã hội thông qua các chương trình mục tiêu về nhà ở và thông qua việc xây dựng nhà ở xã hội để cho thuê, cho thuê mua.

#### **5. Các sở, ban, ngành khác có liên quan**

Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2023.

#### **6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Nam Định**

a) Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về phát triển nhà trên địa bàn.

b) Tổ chức triển khai thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng; bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật, bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định.

c) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án phát triển nhà ở đảm bảo đúng nội dung, tiến độ dự án đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận hoặc phê duyệt; xử lý hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.

d) Rà soát, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung các dự án phát triển nhà ở, quỹ đất và các nội dung liên quan của kế hoạch phát triển nhà ở.

đ) Đẩy mạnh công tác lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết để làm cơ sở kêu gọi đầu tư phát triển nhà ở trên địa bàn quản lý.

#### **7. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án nhà ở**

a) Triển khai thực hiện các dự án phát triển nhà ở theo đúng nội dung và tiến độ đã được phê duyệt. Thực hiện báo cáo tiến độ dự án theo định kỳ hoặc đột xuất làm căn cứ đánh giá kết quả triển khai kế hoạch phát triển nhà ở.

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật về Xây dựng, Nhà ở và Kinh doanh bất động sản.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.